

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Học phần Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi tôm càng xanh (350184)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (01 - 01)/DA23TSA

CBGD: Huỳnh Kim Hường (12724)

Hình thức đánh giá: Vấn đáp

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

12 / 7 / 2026

Phòng thi: HT8.06

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	110323002	Nguyễn Quốc Huy	10/11/2005	Nam	9.1	8.3	8.7		<u>GB</u>		
2	110323003	Nguyễn Tấn Khoa	13/09/2005	Nam	8.1	9.0	8.6		<u>TK</u>		
3	110323004	Đào Anh Kiệt	14/06/2005	Nam	9.9	9.0	9.5		<u>AKus</u>		
4	110323005	Nguyễn Long Nhựt	16/11/2005	Nam	8.5	8.3	8.4		<u>OK</u>		
5	110323008	Đỗ Phúc Vinh	12/11/2005	Nam	8.5	5.0	6.8		<u>V</u>		1,785,000
6	110323009	Ngô Thị Quỳnh Anh	18/08/2005	Nữ	8.9	8.3	8.6		<u>tho</u>		
7	110323011	Phan Thị Hồng Dung	01/10/2005	Nữ	8.7	8.8	8.8		<u>Dung</u>		
8	110323012	Trần Hoàng Duy	10/06/2005	Nam	8.3	6.0	7.2		<u>Duy</u>		1,785,000
9	110323013	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	14/03/2005	Nữ	9.3	8.5	8.9		<u>Duyet</u>		
10	110323014	Huỳnh Hải Đăng	08/04/2005	Nam	8.4	8.3	8.4		<u>Day</u>		
11	110323015	Võ Văn Đoàn	07/12/2005	Nam	8.3	6.5	7.4		<u>Doan</u>		
12	110323016	Huỳnh Thị Mỹ Hiền	19/08/2005	Nữ	9.1	7.0	8.1		<u>Hien</u>		
13	110323017	Ôn Minh Hiếu	18/10/2003	Nam	8.6	3.0	5.8		<u>Hieu</u>		1,785,000
14	110323018	Đặng Thị Thanh Hằng	18/12/2005	Nữ	8.5	3.0	5.8		<u>H</u>		
15	110323019	Nguyễn Nhật Huy	10/11/2005	Nam	8.5	4.5	6.5		<u>H</u>		1,785,000
16	110323020	Dương Quốc Hưng	25/09/2005	Nam	9.0	8.8	8.9		<u>H</u>		
17	110323022	Trần Tuấn Khang	08/09/2005	Nam	8.8	9.0	8.9		<u>th</u>		
18	110323024	Trần Phú Lâm	26/09/2005	Nam	9.3	8.0	8.7		<u>Lam</u>		
19	110323025	Lâm Khánh Linh	22/09/2004	Nam	6.5	✓	✓		<u>V</u>		1,785,000
20	110323027	Trương Khánh Lập	12/11/2005	Nam	8.2	6.8	7.5		<u>Lap</u>		970,000
21	110323029	Nguyễn Thị Thanh Nga	15/09/2005	Nữ	8.9	7.8	8.4		<u>Thanh</u>		
22	110323030	Trần Thị Tố Ngân	22/12/2005	Nữ	9.9	9.0	9.5		<u>Ty</u>		
23	110323031	Lê Thái Ngọc	20/10/2000	Nam	7.7	7.0	7.4		<u>ngoc</u>		
24	110323032	Võ Trung Ngọc	03/06/2005	Nam	8.5	6.0	7.3		<u>ngoc</u>		
25	110323033	Nguyễn Thị Mộng Nghi	24/12/2005	Nữ	8.9	8.3	8.6		<u>ng</u>		
26	110323034	Lê Văn Nhớ	30/01/2005	Nam	8.7	7.3	8.0		<u>nh</u>		
27	110323077	Triệu Duy Bảo	16/12/2005	Nam	9.1	7.5	8.3		<u>Bao</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 27

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 26

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Phạm Văn Hùng

Cán bộ coi thi 2:

Dương Hoàng Anh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Vĩnh Long, Ngày 17 tháng 7 năm 2026

Cán bộ ghi điểm:

Trần Lê Hồng Anh

Cán bộ kiểm tra:

Phạm Lê Ngọc Mỹ Thanh

Trường/Khoa: Nông nghiệp - Thủy sản
Đơn vị: Bộ môn Thủy sản

ĐGMH_BM 2

Danh Sách Ghi Điểm Quá Trình

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Học phần: Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi tôm càng xanh (350184)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (01 - 01)/DA23TSA

Ngày in danh sách: Ngày 09 tháng 06 năm 2026

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Điểm			Điểm TBQT	Ký tên			Đối tượng SV	Ghi chú
						Lần 1	Lần 2	Lần 3		Lần 1	Lần 2	Lần 3		
1	110323002	Nguyễn Quốc	Huy	10/11/2005	Nam	9,2	9,0		9,1					
2	110323003	Nguyễn Tấn	Khoa	13/09/2005	Nam	7,8	8,3		8,1					
3	110323004	Đào Anh	Kiệt	14/06/2005	Nam	9,8	10		9,9					
4	110323005	Nguyễn Long	Nhật	16/11/2005	Nam	8,7	8,3		8,5					
5	110323008	Đỗ Phúc	Vinh	12/11/2005	Nam	9,0	8,0		8,5					1,785,000
6	110323009	Ngô Thị Quỳnh	Anh	18/08/2005	Nữ	8,7	9,0		8,9					
7	110323011	Phan Thị Hồng	Dung	01/10/2005	Nữ	8,1	9,2		8,7					
8	110323012	Trần Hoàng	Duy	10/06/2005	Nam	8,4	8,2		8,3					1,785,000
9	110323013	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	14/03/2005	Nữ	8,5	10		9,3					
10	110323014	Huỳnh Hải	Đặng	08/04/2005	Nam	8,7	8,0		8,4					
11	110323015	Võ Văn	Đoàn	07/12/2005	Nam	7,8	8,7		8,3					
12	110323016	Huỳnh Thị Mỹ	Hiền	19/08/2005	Nữ	8,9	9,2		9,1					
13	110323017	Ôn Minh	Hiếu	18/10/2003	Nam	9,0	8,2		8,6					1,785,000
14	110323018	Đặng Thị Thanh	Hằng	18/12/2005	Nữ	8,5	8,4		8,5					
15	110323019	Nguyễn Nhật	Huy	10/11/2005	Nam	8,6	8,4		8,5					1,785,000
16	110323020	Dương Quốc	Hùng	25/09/2005	Nam	9,2	8,7		9,0					
17	110323022	Trần Tuấn	Khang	08/09/2005	Nam	9,0	8,5		8,8					
18	110323024	Trần Phú	Lâm	26/09/2005	Nam	9,6	9,0		9,3					1,785,000
19	110323025	Lâm Khánh	Linh	22/09/2004	Nam	7,3	5,6		6,5					1,785,000
20	110323027	Trương Khánh	Lập	12/11/2005	Nam	7,8	8,6		8,2					970,000
21	110323029	Nguyễn Thị Thanh	Ngà	15/09/2005	Nữ	8,5	9,3		8,9					
22	110323030	Trần Thị Tố	Ngân	22/12/2005	Nữ	9,8	10		9,9					
23	110323031	Lê Thái	Ngọc	20/10/2000	Nam	7,3	8,0		7,7					
24	110323032	Võ Trung	Ngọc	03/06/2005	Nam	9,0	8,0		8,5					1,785,000
25	110323033	Nguyễn Thị Mộng	Nghi	24/12/2005	Nữ	9,1	8,7		8,9					
26	110323034	Lê Văn	Nhỏ	30/01/2005	Nam	9,0	8,3		8,7					
27	110323077	Triệu Duy	Bảo	16/12/2005	Nam	9,4	8,7		9,1					

Tổng số sv, hs trên danh sách: 27

Hình thức đánh giá quá trình lần 1: chuyên đề

Hình thức đánh giá quá trình lần 2: thực hiện thực hành

Hình thức đánh giá quá trình lần 3: _____

Vĩnh Long, Ngày 30 tháng 6 năm 2026

Cán bộ giảng dạy

(Ký và ghi rõ họ tên)

Huỳnh Kim Hương

Phạm Văn Hùng